



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý II năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 50

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.931.482.536	13.215.916.673
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.424.306.658	967.966.695
111	1. Tiền		1.424.306.658	967.966.695
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.867.090.211	8.469.868.136
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.101.655.345	1.607.110.089
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.165.001.382	1.661.082.955
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.688.747.826	3.699.988.122
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.019.136.625	1.511.776.819
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(107.450.967)	(10.089.849)
140	III. Hàng tồn kho	9	2.586.625.680	3.646.452.010
141	1. Hàng tồn kho		2.595.164.205	3.651.634.817
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.538.525)	(5.182.807)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		53.459.987	131.629.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		13.681.769	13.427.321
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		37.626.438	33.767.746
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.151.780	2.238.777
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	82.195.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.244.310.475	36.012.472.005
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.793.251.056	6.141.903.570
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	6.658.898.675	6.062.008.291
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	134.352.381	79.895.279
220	II. Tài sản cố định		8.042.545.931	6.287.742.157
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.688.043.989	6.176.778.419
222	Nguyên giá		7.846.541.052	7.116.522.216
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.158.497.063)	(939.743.797)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.354.501.942	110.963.738
228	Nguyên giá		1.405.334.952	146.580.676
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(50.833.010)	(35.616.938)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	3.125.971.168	81.725.494
231	1. Nguyên giá		3.151.029.944	84.074.852
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(25.058.776)	(2.349.358)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		19.274.580.511	21.458.876.315
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	19.274.580.511	21.458.876.315
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		307.213.088	328.257.789
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	255.891.187	252.299.640
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	51.301.901	75.938.149
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.700.748.721	1.713.966.680
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	1.170.875.497	1.156.515.098
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	94.488.723	82.941.387
269	3. Lợi thế thương mại		435.384.501	474.510.195
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		51.175.793.011	49.228.388.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		33.023.339.353	32.962.668.396
310	I. Nợ ngắn hạn		15.581.899.307	13.212.975.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.150.431.465	1.123.648.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	2.008.415.646	1.438.433.801
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	280.261.965	275.400.876
314	4. Phải trả người lao động		56.353.859	46.519.890
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.304.425.867	809.388.331
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	567.909.679	1.217.547.588
320	7. Vay ngắn hạn	22	10.212.360.648	8.297.755.147
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.740.178	4.282.181
330	II. Nợ dài hạn		17.441.440.046	19.749.692.496
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	442.849.206	546.724.865
338	2. Vay dài hạn	22	16.471.509.081	18.801.459.914
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	520.711.986	395.127.749
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		6.369.773	6.379.968
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	18.152.453.658	16.265.720.282
410	I. Vốn chủ sở hữu		18.152.453.658	16.265.720.282
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		581.359.331	555.077.253
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.887.804.644	2.023.903.249
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.726.316.939	1.570.546.874
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(838.512.295)	453.356.375
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.965.322.766	1.968.772.863
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		51.175.793.011	49.228.388.678



Nguyễn Thị Đỗ Quyền
Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

B02a-DN/HN

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Ngân VND			
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.028.852.575	1.986.483.733	3.658.599.648	3.035.743.249
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(800.077)	(35.528)	(896.894)	(35.528)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.028.052.498	1.986.448.205	3.657.702.754	3.035.707.721
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(1.713.378.054)	(1.136.409.208)	(3.066.912.010)	(1.821.128.461)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		314.674.444	850.038.997	590.790.744	1.214.579.260
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	289.786.180	357.534.003	506.633.446	530.465.099
22	7. Chi phí tài chính	26	(510.333.114)	(252.166.641)	(814.479.676)	(496.034.286)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(500.226.530)	(240.085.190)	(782.493.292)	(459.315.033)
24	8. Lỗ trong công ty liên kết		(9.002.406)	-	(8.964.562)	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	(56.396.381)	(20.081.555)	(82.936.662)	(36.474.940)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(249.276.569)	(102.836.710)	(325.315.075)	(164.990.423)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(220.547.846)	832.488.094	(134.271.785)	1.047.544.710
31	12. Thu nhập khác	29	1.244.978	1.812.933	16.963.248	162.361.518
32	13. Chi phí khác	29	(943.160.292)	(164.835.421)	(958.022.459)	(169.031.805)
40	14. Lỗ khác	29	(941.915.314)	(163.022.488)	(941.059.211)	(6.670.287)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.162.463.160)	669.465.606	(1.075.330.996)	1.040.874.423
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(3.779.484)	(76.712.891)	(16.396.524)	(147.069.255)
52	17. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	30.2	(77.665.721)	16.704.508	(61.266.369)	19.252.556
60	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.243.908.365)	609.457.223	(1.152.993.889)	913.057.724
61	19. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(907.865.331)	535.211.302	(838.512.295)	831.441.106
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(336.043.034)	74.245.921	(314.481.594)	81.616.618
70	21. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)		(1.149)	655	(1.062)	1.030
71	22. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)		(1.149)	631	(1.062)	1.000



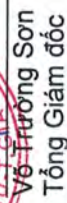
Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		(1.075.330.996)	1.040.874.423
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	10,11	313.946.448	158.665.817
03	Các khoản dự phòng		100.716.836	42.055
04	Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		10.765.470	(8.176.720)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(170.401.345)	(681.432.926)
06	Chi phí lãi vay	26	782.493.292	459.315.033
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(37.810.295)	969.287.682
09	Tăng các khoản phải thu		(4.995.557)	(534.155.980)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		709.870.215	(1.465.358.187)
11	Tăng các khoản phải trả		262.076.762	2.570.751.232
12	Giảm chi phí trả trước		4.614.512	146.185.268
14	Tiền lãi vay đã trả		(305.094.655)	(373.838.116)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.1	(14.394.165)	(70.873.778)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.542.003)	(10.102.086)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		611.724.814	1.231.896.035
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.173.441.118)	(3.213.773.420)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bất động sản đầu tư		1.037.970.372	392.646.055
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(760.219.306)	(2.707.757.332)
24	Tiền thu hồi cho vay		724.832.375	1.465.821.754
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(885.560.254)	(900.813.110)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		280.105.080	203.799.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		724.520.013	122.414.473
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.051.792.838)	(4.637.662.580)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát		2.792.000.000	159.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát		-	(2.200.000)
33	Tiền thu từ đi vay		3.225.703.892	5.691.723.460
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.121.295.905)	(1.954.017.948)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		896.407.987	3.894.505.512
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		456.339.963	488.738.967
60	Tiền đầu kỳ	4	967.966.695	978.413.817
70	Tiền cuối kỳ	4	1.424.306.658	1.467.152.784



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Quý II năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi tám (28) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, ba mươi một (31) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, đường Trường Chinh, phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn Đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Tập đoàn áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký Chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý II năm 2016 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con được lập cho Quý II năm 2016.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán như một nghiệp vụ vốn.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	6 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 70 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	5 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 25 - 70 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu và vườn tiêu như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu khách sạn, trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng và căn hộ cho thuê của giai đoạn II. Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 2 năm 2013.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp, chi phí trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ và chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo, quảng cáo) và công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp và chi phí trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

3.13 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị khoản đầu tư và không thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này cho đến khi công ty liên kết trở thành công ty con. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)***Đầu tư vào liên doanh*

Phần vốn góp của Tập đoàn trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bằng cách hạch toán:

- ▶ Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu và các công nợ mà Tập đoàn có nghĩa vụ thực hiện;
- ▶ Các khoản chi phí phát sinh cũng như phần thu nhập mà Tập đoàn được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các khoản dự phòng*Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ Quỹ phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.20 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (dựa trên tỷ suất sinh lợi của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.21 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.406.516.544	801.473.847
Tiền mặt tại quỹ	17.757.594	54.242.848
Tiền đang chuyển	32.520	112.250.000
TỔNG CỘNG	1.424.306.658	967.966.695

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Các khoản phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	878.352.352	341.776.177
Các khoản phải thu từ dịch vụ xây dựng	860.864.148	850.175.129
Các khoản phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư (i)	310.144.242	309.841.300
Phải thu về thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	29.588.265	76.548.668
Phải thu tiền bán căn hộ	22.706.338	28.768.815
TỔNG CỘNG	2.101.655.345	1.607.110.089

(i) Phải thu từ bán khoản đầu tư bao gồm các khoản phải thu liên quan đến việc bán vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai, Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông với số tiền lần lượt là 294.841.300 ngàn VND, 15.000.000 ngàn VND và 302.942 ngàn VND.

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 519.696.950 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (*Thuyết minh số 31*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	833.235.355	755.208.152
Trả trước cho nhà thầu các công trình xây dựng của Tập đoàn và mua máy móc, thiết bị	327.238.765	585.491.717
Trả trước cho thầu phụ hai dự án sân bay ở Lào	4.527.262	320.383.086
TỔNG CỘNG	1.165.001.382	1.661.082.955

Trả trước người bán bao gồm các khoản trả trước cho các bên liên quan là 614.502.488 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (*Thuyết minh số 31*).

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	3.532.252.654	3.581.551.780
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	2.760.085.936	2.860.085.936
Bên liên quan khác (ii)	772.166.718	721.465.844
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	156.495.172	118.436.342
	3.688.747.826	3.699.988.122
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	5.537.859.094	5.050.459.374
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	2.182.183.905	1.471.708.240
Bên liên quan khác (ii)	3.355.675.189	3.578.751.134
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	953.077.572	843.568.572
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iv)	166.633.509	167.980.345
Cho vay dài hạn nhân viên (iii)	1.328.500	-
	6.658.898.675	6.062.008.291
TỔNG CỘNG	10.347.646.501	9.761.996.413

(i) Đây là khoản Công ty và các công ty con của Công ty cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1"), hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK ngày 8 tháng 8 năm 2014 ("Hợp đồng 3"), hợp đồng vay số 01/15/HA-AP ngày 7 tháng 4 năm 2015 ("Hợp đồng 4"), hợp đồng vay số 01/2016/HĐV-NNQT-AP ngày 27 tháng 5 năm 2016 ("Hợp đồng 5") và hợp đồng vay số 2804/HTĐT ngày 28 tháng 4 năm 2016 chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(i) Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong năm là 12,5%/năm (2015: 9,5%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VND và có lãi suất trong năm là 12,5%/năm (2015: 9,5%/năm).

Hợp đồng 3 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND và có lãi suất trong năm là 12%/năm (2015: 12%/năm).

Hợp đồng 4 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 700 tỷ VND không lãi suất.

Hợp đồng 5 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND có lãi suất trong năm là 11,5%/năm.

Hợp đồng 6 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 340 tỷ VND có lãi suất trong năm là 12%/năm.

(ii) Cho vay các bên khác thể hiện khoản cho vay các tổ chức và cá nhân khác với thời hạn đáo hạn từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình 10,3%/năm.

(iii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho nhân viên có thời hạn hoàn trả sáu mươi tháng tính từ ngày giải ngân, có lãi suất theo lãi suất thị trường và được rà soát, điều chỉnh sáu tháng một lần.

(iv) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ	
	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Nợ gốc đầu kỳ	7.482.421	21.900.188
Tăng trong kỳ	-	2.000.000
Nợ gốc cuối kỳ	7.482.421	23.900.188
Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)	166.633.509	520.546.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân khác	689.462.318	896.888.290
Phải thu nhân viên	121.379.224	240.980.104
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.306.794	1.144.114
Các khoản khác	192.988.289	372.764.311
	1.019.136.625	1.511.776.819
Dài hạn		
Lãi cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	78.814.138	23.349.092
Ký quỹ, ký cược dài hạn	18.297.919	18.174.130
Phải thu dài hạn khác	37.240.324	38.372.057
	134.352.381	79.895.279
TỔNG CỘNG	1.153.489.006	1.591.672.098

Phải thu khác ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn các bên liên quan là 635.413.986 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 31).

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	162.635.344	644.705.652
Thành phẩm	45.304.933	38.557.275
Hàng hóa	7.816.666	10.267.024
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.824.758.543	2.428.332.779
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí nuôi bò</i>	810.072.506	1.389.087.259
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	665.352.244	516.598.857
<i>Sản xuất</i>	347.973.780	521.785.649
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	1.360.013	861.014
Nguyên vật liệu	526.415.751	470.738.184
Vật liệu xây dựng	19.059.626	41.367.158
Công cụ, dụng cụ	9.173.342	17.666.745
TỔNG CỘNG	2.595.164.205	3.651.634.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.538.525)	(5.182.807)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.586.625.680	3.646.452.010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.027.845.679	1.721.098.732	1.253.985.172	8.472.187	2.045.893.942	59.226.504	7.116.522.216
Tăng trong kỳ	242.134.260	30.637.576	361.676.132	31.535	472.020.957	1.816.082	1.108.316.542
Mua sắm mới	2.352.795	25.135.765	30.915.591	31.535	310.266.463	1.816.082	370.518.231
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	228.388.619	5.501.811	325.362.817	-	160.950.086	-	720.203.333
Mua công ty con	-	-	3.657.495	-	-	-	3.657.495
Chênh lệch tỷ giá	11.392.846	-	1.740.229	-	804.408	-	13.937.483
Giảm trong kỳ	(411.438)	(41.967.907)	(43.704.568)	(612.866)	(288.109.332)	(3.491.595)	(378.297.706)
Thanh lý	-	(7.861.716)	(27.287.652)	(612.866)	(288.109.332)	(105.736)	(323.977.302)
Thanh lý công ty con	(411.438)	(42.492.495)	(7.862.280)	-	-	-	(50.766.213)
Chênh lệch tỷ giá	-	(168.332)	-	-	-	-	(3.554.191)
Phân loại lại	-	8.554.636	(8.554.636)	-	-	(3.385.859)	-
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.269.568.501	1.709.768.401	1.571.956.736	7.890.856	2.229.805.567	57.550.991	7.846.541.052
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	(252.300.871)	(346.413.427)	(217.479.551)	(5.016.403)	(102.967.326)	(15.566.219)	(939.743.797)
Tăng trong kỳ	(71.842.257)	(71.014.686)	(59.142.019)	(470.678)	(70.254.018)	(3.050.512)	(275.774.170)
Khấu hao trong kỳ	(70.897.981)	(70.376.254)	(58.307.772)	(465.103)	(69.977.554)	(3.050.512)	(273.075.176)
Mua công ty con	-	-	(818.332)	-	-	-	(818.332)
Chênh lệch tỷ giá	(944.276)	(638.432)	(15.915)	(5.575)	(276.464)	-	(1.880.662)
Giảm trong kỳ	342.863	34.492.805	10.756.061	567.333	10.519.254	342.588	57.020.904
Thanh lý	-	3.836.417	4.597.936	567.333	10.519.254	105.733	19.626.673
Thanh lý công ty con	342.863	32.076.962	4.737.551	-	-	-	37.157.376
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	236.855	236.855
Phân loại lại	-	(1.420.574)	1.420.574	-	-	-	-
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	(323.800.265)	(382.935.308)	(265.865.509)	(4.919.748)	(162.702.090)	(18.274.143)	(1.158.497.063)
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.775.544.808	1.374.685.305	1.036.505.621	3.455.784	1.942.926.616	43.660.285	6.176.778.419
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.945.768.236	1.326.833.093	1.306.091.227	2.971.108	2.067.103.477	39.276.848	6.688.043.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	12.295.495	134.285.181	146.580.676
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	<u>1.258.754.276</u>	-	<u>1.258.754.276</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.271.049.771</u>	<u>134.285.181</u>	<u>1.405.334.952</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	(425.225)	(35.191.713)	(35.616.938)
Khấu hao trong kỳ	<u>(6.829.658)</u>	<u>(8.386.414)</u>	<u>(15.216.072)</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(7.254.883)</u>	<u>(43.578.127)</u>	<u>(50.833.010)</u>
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>11.870.270</u>	<u>99.093.468</u>	<u>110.963.738</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.263.794.888</u>	<u>90.707.054</u>	<u>1.354.501.942</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	19.597.252	64.477.600	84.074.852
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	<u>3.131.432.692</u>	-	<u>3.131.432.692</u>
Thanh lý trong kỳ	-	<u>(64.477.600)</u>	<u>(64.477.600)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>3.151.029.944</u>	-	<u>3.151.029.944</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(2.349.358)	-	(2.349.358)
Khấu hao trong kỳ	<u>(22.709.418)</u>	-	<u>(22.709.418)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(25.058.776)</u>	-	<u>(25.058.776)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>17.247.894</u>	<u>64.477.600</u>	<u>81.725.494</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>3.125.971.168</u>	-	<u>3.125.971.168</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí trồng và chăm sóc cây cao su và cây cọ dầu	13.262.114.879	10.812.792.985
Nhà máy thủy điện	3.449.059.015	3.305.411.052
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (i)	1.494.633.579	5.495.274.409
Nhà xưởng và nhà văn phòng nông trường	576.197.777	614.760.611
Vườn cây hồ tiêu	111.326.989	83.114.339
Dự án bò	69.586.603	239.012.337
Văn phòng cho thuê	56.040.000	793.334.270
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	33.120.822	47.140.970
Các công trình khác	222.500.847	68.035.342
TỔNG CỘNG	19.274.580.511	21.458.876.315

(i) Trong kỳ, Tập đoàn đã đưa vào hoạt động trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê của giai đoạn I dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1. Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bất động sản				
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	4/6/2007	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	21/2/2013	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	2009	(i) 32,38
Thủy điện				
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/6/2007	95,58
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	18/7/2011	95,58
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	31/5/2013	95,58
Nông nghiệp				
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/5/2010	74,95
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/2/2013	74,95
(9) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/1/2011	74,94
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	1/11/2011	74,94
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	1/2/2007	73,28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Nông nghiệp (tiếp theo)				
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/1/2007	73,28
(13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/9/2007	74,60
(14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/1/2010	74,54
(15) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/5/2008	74,95
(16) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/2/2011	73,28
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/7/2010	74,95
(18) Công ty TNHH Heng Brothers	Phnom Penh, Campuchia	Trước hoạt động	25/1/2010	74,95
(19) Công ty TNHH CRD	Phnom Penh, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	74,95
(20) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	74,95
(21) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/4/2015	74,20
(22) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	53,55
(23) Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/10/2015	53,55
(24) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	74,73
(25) Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	14/10/2015	74,73
(26) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/2/2016	74,95
(27) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/2/2016	74,95
(28) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/2/2016	74,95
(29) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/2/2016	74,95
(30) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/2/2016	74,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Khai khoáng				
(31) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	8/12/2007	95,58
(32) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	9/2/2010	95,58
(33) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	15/10/2009	95,58
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(34) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/1/2009	69,48
(35) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	7/5/2008	99,00
(36) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/1/2009	80,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	27/3/2009	100,00
(38) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/5/2010	100,00
(39) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	27/7/2012	94,50

(i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.

Tình trạng trước hoạt động là công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)
- 14.2. Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	248.356.855	47,80	244.809.722
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.534.332	25,00	7.489.918
TỔNG CỘNG			255.891.187		252.299.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty khác	50.131.901	74.768.149
Các khoản đầu tư khác	1.170.000	1.170.000
TỔNG CỘNG	51.301.901	75.938.149

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí phát triển vườn mía	605.601.326	658.413.797
Chi phí trồng cỏ	248.761.020	121.112.688
Tiền thuê đất	84.021.332	91.834.191
Công cụ, dụng cụ	80.479.670	134.418.866
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	62.815.326	63.699.738
Chi phí vườn bắp	43.410.720	49.185.469
Chi phí thuê văn phòng	25.545.158	26.054.715
Chi phí trả trước dài hạn khác	20.240.945	11.795.634
TỔNG CỘNG	1.170.875.497	1.156.515.098

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả tiền mua quyền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	445.602.970	490.407.288
Phải trả nhà thầu xây dựng	358.375.465	300.130.687
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	258.013.899	152.218.598
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	79.441.625	114.681.513
Phải trả tiền mua cổ phần	8.997.506	66.210.000
TỔNG CỘNG	1.150.431.465	1.123.648.086

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 170.086.750 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Khách hàng thương mại trả tiền trước	1.333.943.467	796.834.695
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	428.682.306	374.145.290
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	245.789.873	267.453.816
TỔNG CỘNG	<u>2.008.415.646</u>	<u>1.438.433.801</u>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 251.064.066 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (*Thuyết minh số 31*).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thuế giá trị gia tăng	183.409.906	162.239.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30.1</i>)	80.676.201	67.994.260
Thuế thu nhập cá nhân	9.825.761	6.582.518
Các khoản khác	6.350.097	38.584.900
TỔNG CỘNG	<u>280.261.965</u>	<u>275.400.876</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	1.248.330.366	789.498.692
Chi phí hoạt động	56.095.501	19.889.639
TỔNG CỘNG	<u>1.304.425.867</u>	<u>809.388.331</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải trả các công ty khác	157.672.566	985.416.520
Phải trả nhân viên	118.209.534	10.422.712
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	107.799.504	132.170.945
Phải trả tiền thuê đất	22.316.682	14.649.561
Phí bảo trì căn hộ	13.751.055	14.386.625
Các khoản khác	148.160.338	60.501.225
	567.909.679	1.217.547.588
Dài hạn		
Tiền thuê đất phải trả	227.219.389	185.951.658
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	206.678.517	155.032.207
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	-	205.741.000
Phải trả nhân viên	8.951.300	-
	442.849.206	546.724.865
TỔNG CỘNG	1.010.758.885	1.764.272.453

22. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh 22.1</i>)	2.911.939.117	3.199.546.106
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh 22.3</i>)	1.034.577.979	1.194.348.748
Vay ngắn hạn cá nhân và doanh nghiệp	730.574.408	-
Nợ vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	4.435.269.144	2.803.860.293
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu thường trong nước</i> (<i>Thuyết minh 22.2</i>)	3.305.269.144	1.373.860.293
<i>Trái phiếu hoán đổi</i>	1.130.000.000	1.130.000.000
<i>Trái phiếu kèm chứng quyền</i>	-	300.000.000
	10.212.360.648	8.297.755.147
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh 22.2</i>)	8.256.472.473	10.191.116.964
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh 22.3</i>)	8.201.747.679	8.551.446.715
Nợ dài hạn khác	13.288.929	58.896.235
	16.471.509.081	18.801.459.914
TỔNG CỘNG	26.683.869.729	27.099.215.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.918.638.258	1.896.279.457
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	747.204.043	853.351.981
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	223.503.456	449.914.668
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	22.593.360	-
TỔNG CỘNG	<u>2.911.939.117</u>	<u>3.199.546.106</u>

22.2 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền Ngàn VND	Ngày đáo hạn
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	1.760.280.295	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 17 tháng 8 năm 2015	850.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2020
BIDV và BSC	Ngày 9 tháng 7 năm 2013	950.000.000	Ngày 9 tháng 7 năm 2016
BIDV và BSC	Ngày 28 tháng 3 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	650.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 11 năm 2017
BIDV và BSC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
BIDV và BSC	Ngày 23 tháng 7 năm 2015	2.150.000.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital	Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.700.000.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2018
Chi phí phát hành trái phiếu		(98.538.678)	
TỔNG CỘNG		<u>11.561.741.617</u>	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		3.305.269.144	
Vay dài hạn		8.256.472.473	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn ngân hàng

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1	3.128.300.000	3.155.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.837.708.516	2.868.532.269
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu	1.433.931.661	1.397.191.001
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	933.557.436	937.322.850
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	902.828.045	1.208.568.105
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Gia Lai	-	178.581.238
TỔNG CỘNG	9.236.325.658	9.745.795.463
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.034.577.979	1.194.348.748
Vay dài hạn	8.201.747.679	8.551.446.715

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
6 tháng năm 2015							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	670.143	249.756.283	2.517.123.517	14.205.621.557
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	831.441.106	831.441.106
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	66.210.385	-	-	66.210.385
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	21.523.350	(39.234.450)	(17.711.100)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	(944.683.227)	(944.683.227)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	66.880.528	271.279.633	2.364.646.946	14.140.878.721

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
6 tháng năm 2016							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(838.512.295)	(838.512.295)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	26.282.078	-	-	26.282.078
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	702.413.690	702.413.690
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	581.359.331	279.895.303	1.887.804.644	14.187.130.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.899.283	789.899.283

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

24. DOANH THU	Quý II			Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.028.852.575	1.986.483.733	3.658.599.648	3.035.743.249	
Trong đó:					
Doanh thu bán lẻ	973.623.617	766.447.163	1.864.099.431	766.447.163	
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	419.000.000	14.994.182	483.477.600	214.941.818	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	237.063.283	66.748.885	296.774.551	129.863.644	
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	167.230.088	116.957.042	259.246.839	237.830.747	
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	123.780.052	185.752.593	370.361.785	483.922.929	
Doanh thu bán bắp	47.958.174	272.819.425	136.400.968	282.102.026	
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	27.836.158	440.124.603	53.923.262	736.986.593	
Doanh thu căn hộ	16.605.013	47.938.363	178.559.022	78.250.106	
Doanh thu bán mũ cao su	15.756.190	74.701.477	15.756.190	105.398.223	
Các khoản giảm trừ	(800.077)	(35.528)	(896.894)	(35.528)	
Giảm giá hàng bán	(800.077)	-	(896.894)	-	
Hàng bán trả lại	-	(35.528)	-	(35.528)	
Doanh thu thuần	2.028.052.498	1.986.448.205	3.657.702.754	3.035.707.721	
Trong đó:					
Doanh thu bán lẻ	972.827.388	766.447.163	1.863.303.202	766.447.163	
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	419.000.000	14.994.182	483.477.600	214.941.818	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	237.063.283	66.748.885	296.774.551	129.863.644	
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	167.226.240	116.921.514	259.146.174	237.795.219	
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	123.780.052	185.752.593	370.361.785	483.922.929	
Doanh thu bán bắp	47.958.174	272.819.425	136.400.968	282.102.026	
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	27.836.158	440.124.603	53.923.262	736.986.593	
Doanh thu căn hộ	16.605.013	47.938.363	178.559.022	78.250.106	
Doanh thu bán mũ cao su	15.756.190	74.701.477	15.756.190	105.398.223	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngân VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Lãi cho vay các công ty khác	279.453.063	195.993.033	486.277.556	354.509.477	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.516.449	127.717.789	8.721.926	137.965.849	
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.703.943	3.781.808	8.925.788	7.948.400	
Cổ tức	112.725	115.475	112.725	115.475	
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	29.925.898	2.595.451	29.925.898	
TỔNG CỘNG	289.786.180	357.534.003	506.633.446	530.465.099	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II		Ngân VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán bỏ	892.809.594	477.286.404	1.680.254.167	477.286.404
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	328.544.678	-	393.412.104	81.183.514
Giá vốn dịch vụ cung cấp	150.204.144	52.799.441	198.738.658	110.096.906
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	125.015.159	112.401.641	201.098.132	223.030.411
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	82.720.364	109.361.754	252.853.276	258.309.878
Giá vốn bán bấp	22.520.398	116.365.534	67.063.058	120.791.179
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng (*)	77.932.970	179.282.021	90.446.514	413.830.900
Giá vốn căn hộ	14.687.830	37.705.909	164.103.184	62.872.364
Giá vốn bán mũ cao su	18.942.917	51.206.504	18.942.917	73.726.905
TỔNG CỘNG	1.713.378.054	1.136.409.208	3.066.912.010	1.821.128.461

(*) Điều chỉnh tăng giá vốn trích trước của sản bán.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II		Ngân VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	500.226.530	240.085.190	782.493.292	459.315.033
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.106.584	4.227.049	31.986.384	22.398.056
Các khoản khác	-	7.854.402	-	14.321.197
TỔNG CỘNG	510.333.114	252.166.641	814.479.676	496.034.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II		Ngân VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	54.523.905	11.244.776	77.981.105	19.085.788
Chi phí lương nhân viên	668.923	126.614	1.312.445	2.816.033
Chi phí khấu hao và hao mòn	127.786	282.904	490.017	493.832
Chi phí khác	1.075.767	8.427.261	3.153.095	14.079.287
TỔNG CỘNG	56.396.381	20.081.555	82.936.662	36.474.940

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II		Ngân VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng	99.403.575	-	99.403.575	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.168.906	23.938.216	64.742.940	29.028.358
Chi phí lương nhân viên	50.948.046	49.643.070	93.133.185	83.294.393
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.279.743	8.972.284	16.313.183	18.159.065
Chi phí khác	31.476.299	20.283.140	51.722.192	34.508.607
TỔNG CỘNG	249.276.569	102.836.710	325.315.075	164.990.423

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý II		Ngân VND	
			Lũy kế từ đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.244.978	1.812.933	16.963.248	162.361.518
Lãi thanh lý tài sản	-	-	11.120.232	155.175.372
Các khoản khác	1.244.978	1.812.933	5.843.016	7.186.146
Chi phí khác	943.160.292	164.835.421	958.022.459	169.031.805
Lỗ thanh lý tài sản	397.469.192	576.905	397.469.192	-
Các khoản phạt	472.985	9.333.416	671.930	9.689.294
Khấu hao tài sản cố định ngừng sử dụng	11.116.351	1.069.182	22.847.822	1.515.353
Chi phí thanh lý tài sản ngành khoáng sản	-	100.745.261	-	100.745.261
Chi phí thanh lý tài sản ngành thủy điện	-	14.676.707	-	14.676.707
Đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	529.591.014	-	529.591.014	-
Các khoản khác	4.510.750	38.433.950	7.442.501	42.405.190
LỖ KHÁC	(941.915.314)	(163.022.488)	(941.059.211)	(6.670.287)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của các công ty thuộc Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>6 tháng năm 2016</i>	<i>6 tháng năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.396.524	147.069.255
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	61.266.369	(19.252.556)
TỔNG CỘNG	77.662.893	127.816.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

	Ngàn VND	
	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Lợi nhuận trước thuế	(1.075.330.996)	1.040.874.423
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	1.196.455.557	148.413.108
Biến động lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	51.399.354	95.320.844
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	5.659.455	29.784.092
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	29.902.507	13.577.048
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.765.468	20.975.465
Lỗ trong công ty liên kết	8.964.562	-
Các khoản khác	34.726.806	83.565.158
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(130.796.838)	(668.555.080)
Chi phí lãi vay được khấu trừ ở các công ty nhưng được vốn hóa khi lập báo cáo tài chính hợp nhất	(56.274.829)	(91.066.408)
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu công ty con nhưng được tính vào chi phí tại Công ty	(37.897.579)	-
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ trong năm này	(971.024)	-
Thu nhập cổ tức	(112.725)	(115.475)
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	-	(29.925.898)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	36.489.718	642.847.277
Lỗ các năm trước chuyển sang	(10.773.000)	(3.530.239)
Thu nhập chịu thuế ước tính	25.716.718	639.317.038
Thuế TNDN hiện hành ước tính	2.766.996	138.742.632
Thuế TNDN hiện hành ước tính của hoạt động bất động sản	8.665.430	-
Trích bổ sung thuế TNDN cho các năm trước	4.964.098	8.326.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	16.396.524	147.069.255
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	67.994.260	22.532.903
Thuế TNDN phải trả của các công ty con mới mua trong kỳ	10.557.894	-
Các khoản tăng khác	121.688	4.020.511
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(14.394.165)	(70.873.778)
Phân loại lại	-	(2.604.441)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	80.676.201	100.144.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Ngàn VND</i>
	<i>kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>kết quả hoạt</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>	<i>động kinh</i>
			<i>doanh hợp</i>
			<i>nhất giữa niên</i>
			<i>độ</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	92.500.808	82.941.387	(9.559.421)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.987.915	-	(1.987.915)
	94.488.723	82.941.387	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	255.058.768	202.288.236	-
Chi phí lãi vay vốn hoá ở khía cạnh hợp nhất	245.446.159	189.506.405	55.939.754
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết, công ty con	20.207.059	-	20.207.059
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	3.333.108	(3.333.108)
	520.711.986	395.127.749	
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			61.266.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Doanh thu bán bò	217.043.847
		Mua hàng hoá và dịch vụ	123.217.500
		Lãi cho vay	100.021.089
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	86.998.512
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	30.969.195
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	235.271.888
		Cung cấp dịch vụ	178.169
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	42.304.080
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	59.464.710
		Lãi cho vay	33.170.759
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.319.196
		Mua tài sản cố định	506.000
		Lãi cho vay	14.332.500
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	14.332.500
		Lãi cho vay	7.559.825
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.559.825
		Lãi cho vay	7.559.825
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.935.098
		Cung cấp dịch vụ	172.728
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.047.671
		Cung cấp dịch vụ	481.245
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	244.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	386.708.099
		Phải thu hợp đồng xây dựng	59.524.480
		Phải thu tiền bán tài sản cố định	383.279
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	61.011.471
		Phải thu hợp đồng xây dựng	658.295
		Phải thu tiền bán tài sản cố định	980.430
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	2.005.569
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Nguyên	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.921.958
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.727.705
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.642.578
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.444.472
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	998.563
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	690.051
TỔNG CỘNG			<u>519.696.950</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hoá	599.173.588
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	15.056.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước cho hợp đồng xây dựng	272.900
TỔNG CỘNG			<u>614.502.488</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	2.760.085.936
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	395.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	202.615.335
Nguyễn Hoàng Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	92.867.100
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	54.140.387
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	26.190.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	663.896
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý BĐS Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	500.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	190.000
TỔNG CỘNG			<u>3.532.252.654</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	288.291.126
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	127.561.875
		Chi phí trả hộ	2.440.389
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	22.839.790
		Nhờ thu hộ	31.684.353
		Chi phí trả hộ	24.126.167
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	60.581.980
		Các khoản khác	1.524.191
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	36.852.257
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Nhờ thu hộ	7.684.332
		Lãi cho vay	6.427.866
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.559.825
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng cho hoạt động kinh doanh	2.639.629
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.670.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)</i>			
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng cho hoạt động kinh doanh	520.125
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	385.531
TỔNG CỘNG			<u>635.413.986</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	2.182.183.905
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	1.909.017.263
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	697.320.000
Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Cho vay	294.936.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	140.500.617
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	141.231.796
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	126.017.533
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	32.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	14.651.980
TỔNG CỘNG			<u>5.537.859.094</u>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	56.477.878
Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Lãi cho vay	18.982.093
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.354.167
TỔNG CỘNG			<u>78.814.138</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

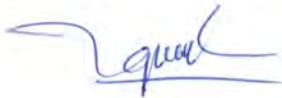
Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Phải trả phát triển vườn cây Mua tài sản cố định Mua hàng hóa và dịch vụ	60.549.000 508.200 155.841
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ Mua máy móc thiết bị	18.916.609 6.920.778
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Phải trả nhà thầu xây dựng	5.860.095
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Phải trả nhà thầu xây dựng Mua hàng hóa và dịch vụ	74.751.211 2.396.956
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	28.060
TỔNG CỘNG			<u>170.086.750</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng	245.789.873
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa	5.253.289
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa	20.904
TỔNG CỘNG			<u>251.064.066</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Chi hộ	19.898.360 1.524.414
Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Chi hộ	23.204.111
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Phải trả do thu hộ Cho mượn tạm	58.353.969 4.000.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	818.650
TỔNG CỘNG			<u>107.799.504</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc